

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-ST

Ngày: 13/5/2021

V/v: Tranh chấp ngõ đi chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Tạ Đăng K
2. Ông Nguyễn Việt C

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phúc T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/3/2021 và 13/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 20/2020/TLST- DS ngày 12/02/2020, về việc “Tranh chấp ngõ đi chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2020/QĐST-DS ngày 18/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HPT ngày 11/01/2021, quyết định Tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐST ngày 05/03/2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1952;

Địa chỉ: phường M, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; Có mặt;

Bị đơn:

1. Ông Trần Sỹ V, sinh năm 1954;

Địa chỉ: phường M, quận N, Thành phố Hà Nội; Vắng mặt;

2. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: phường M, quận N, Thành phố Hà Nội; Vắng mặt;

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: phường M, quận N, Thành phố Hà Nội; Vắng mặt;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1944;

Địa chỉ: phường M, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

2. Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1973;

Địa chỉ: phường M, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

3. Anh Nguyễn Quốc M, sinh năm 1975;

4. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1973;

5. Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: phường M, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

6. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: phường M, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

7. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993;

Địa chỉ: phường P, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

8. Cháu Nguyễn Quốc Q, sinh năm 2003;

Địa chỉ: phường M, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

(Ông T, anh V, anh M, chị C, anh H, chị L, chị P, cháu Q ủy quyền cho bà Trương Thị T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2019, bản ý kiến bổ sung ngày 27/7/2020 nguyên đơn là bà Trương Thị T trình bày:

Năm 1986 gia đình bà đã san lấp, tu tạo lên ngõ đi có chiều dài 43 m, chiều rộng 1,4 m tại hẻm 230/55/21 đường M, tổ dân phố số 3 phường M, quận Nam Từ Liêm. Năm 2003 gia đình bà tiếp tục tu bổ, đổ bê tông, xây dựng hệ thống cống, làm đèn đường để sử dụng. Tổng chi phí là 500.000.000 đồng.

Với công tôn tạo và hiện trạng ngõ đi hiện nay đã được ổn định, mặt nền bê tông đảm bảo và có 5 hộ gia đình sử dụng là: Bà Phan Thị Liên, bà Ngô Thị H, Trần Sỹ V, Lê Thị H và gia đình bà T. Năm 2011, bà T đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm giải quyết việc trên cùng với việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất và ý kiến về đất ngõ đi với bà Phan Thị L và Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã có bản án số 95/2012/DSPT ngày 21/6/2012 tuyên xử

giải quyết cả phần đất và thỏa thuận ngõ đi chung của hai bên tự thỏa thuận bà Phan Thị L giao số tiền 130.000.000 đồng cho gia đình bà.

Năm 2006, gia đình nhà ông Trần Sỹ V, bà Lê Thị H, và bà Ngô Thị H đến mua đất của gia đình bà Nguyễn Thị Đ (là hàng xóm của gia đình bà) nhưng không có ngõ đi, cả ba gia đình đã tự ý đi vào ngõ do gia đình tôi xây dựng và tu tạo lên. Do vậy, bà T yêu cầu Tòa án xem xét diện tích đất 42,3 m thuộc quyền sử dụng đất của gia đình đúng là ngõ đi chung, nhưng là quyền sử dụng chính của gia đình bà từ việc chuyển nhượng, đổi đất với các hộ hàng xóm trước đó. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình nhà ông Trần Sỹ V, bà Lê Thị H và gia đình bà Ngô Thị H thanh toán các khoản chi phí chia đều cho các nhà đang sử dụng ngõ đi chung này mà gia đình bà T đã tôn tạo, mỗi gia đình là 100.000.000 đồng.

***Bị đơn là** ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H, bà Lê Thị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần đến nơi cư trú của bị đơn để lấy lời khai nhưng họ thường xuyên vắng nhà.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan,** ông Nguyễn Viết T, anh Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn Quốc M, chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Quốc H, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị P, cháu Nguyễn Quốc Q đều ủy quyền cho bà Trương Thị T và thống nhất lời khai của bà T, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là Bà Trương Thị T đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H mỗi người pH T toán cho bà 100.000.000 đồng tiền công xây dựng, tôn tạo ngõ đi chung tại ngách 230/55/31, Tổ dân phố 3, đường M, phường M, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trương Thị T trình bày: căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ và lời khai của Nguyên đơn, người làm chứng thì nguồn gốc hình thành lối đi trong vụ án được hình thành dần từ trước năm 1986. Lối đi này xuất phát từ việc gia đình bà T không có lối đi ra ngoài đường chính do đó gia đình bà T đã thuê một số người lân cận tiến hành đắp đất đặt cọc tre từ năm 1986 trải qua hai lần cải tạo lại năm 1988 và 2003 để hình thành nên đoạn đường tranh chấp hiện tại. Căn cứ Khoản 2 Điều 101 luật đất đai 2013, Khoản 1 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì gia đình bà T hoàn toàn đáp ứng đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích lối đi nêu trên. Về quá trình tôn tạo: gia đình bà T đã trực tiếp cải tạo và thuê nhân công đổ đất lập tấm đan, lát bê tông tốn khoản 500.000.000 đồng. Quá trình tôn tạo của gia đình bà T được chứng M bởi nhiều gia đình hàng xóm như Nguyễn Viết H, Ngô

Công X, Lê Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Đ. Ngõ đã được ổn định hiện có 5 gia đình đang sử dụng là Bà T, bà L, ông V, bà H, Bà H. Các gia đình ông V, bà H, bà H mua đất về làm nhà năm 2006 nên các gia đình này không đóng góp vào việc tôn tạo ngõ Bà T yêu cầu các gia đình này phải có trách nhiệm thỏa thuận hỗ trợ đóng góp kinh phí cho gia đình bà T là hoàn toàn hợp tình hợp lý. Bác bỏ quan điểm của UBND phường ngày 26/7/2020, ngõ đi đang tranh chấp là ngõ đi chung nhưng là quyền sử dụng chính của Nguyên đơn từ việc chuyển nhượng đổi đất. Căn cứ vào bản án phúc thẩm 95/2012 đã tuyên xử thỏa thuận ngõ đi chung giữa bà T và bà L là bà L trả cho bà T 130.000.000 đồng là cơ sở để các hộ khác sử dụng ngõ đi do bà T tôn tạo có trách nhiệm chi trả công sức cho bà T. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn ngõ ngách 230/55/21 thuộc quyền sử dụng của bà T, tuy nhiên pháp luật quy định về quyền của Ngõ đi chung đề nghị căn cứ vào Điều 254 của BLDS dân sự để giải quyết là ngõ đi chung với điều kiện 3 gia đình có trách nhiệm hỗ trợ đóng góp kinh phí cho bà T. Căn cứ Khoản 2 Điều 166 Luật Đất đai quyền chung của người sử dụng đất để buộc các gia đình H, H, V phải thanh toán chi phí chia đều mỗi người 100.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác M làm rõ chủ hộ và nhân khẩu của các gia đình ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H để xác định người đại diện tham gia tố tụng là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cùng các tài liệu do Tòa án xác M thu thập được xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp liên quan đến ngõ đi chung tại phường M, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Do vậy, việc Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại

Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về những người tham gia tố tụng : đại diện viện kiểm sát đề nghị Tòa án xác M làm rõ chủ hộ và nhân khẩu của các gia đình ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H để xác định người đại diện tham gia tố tụng là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử nhận thấy : tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/11/2019 của bà Trương Thị T đã xác định người bị kiện là ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H do vậy Tòa án xác định ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H là bị đơn là đúng với quy định tại Khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các thành viên trong gia đình ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H : không có đương sự nào đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng. Mặt khác, Nguyên đơn là bà T không có yêu cầu về tranh chấp quyền sử dụng đất, hạn chế quyền sử dụng lối đi chung mà chỉ yêu cầu ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H là những người đứng tên nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị Đoan phải thanh toán công sức tôn tạo, xây dựng lối đi chung. Do vậy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn không có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H. Tại phiên tòa bà Trương Thị T trình bày bà không biết rõ các thành viên trong gia đình ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H, bà Lê Thị H và bà cũng không đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để đưa các thành viên trong gia đình ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H tham gia tố tụng. Nguyên đơn là Bà Trương Thị T khẳng định bà chỉ khởi kiện 03 cá nhân là ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H, bà Lê Thị H. Tòa án không đưa các thành viên gia đình ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H tham gia tố tụng là phù hợp với Khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông V, bà H, bà H là bị đơn trong vụ án đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn cũng vắng mặt, Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn :

Bà Trương Thị T công nhận ngõ đi tại ngách 230/55/31 (có diện tích là 43,2 m² vị trí cụ thể được xác định theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thuê công ty cổ phần dịch vụ tư vấn đo đạc địa chính Hà Nội thực hiện tháng 8/2018) là ngõ đi chung nhưng bà và chồng bà là ông Nguyễn Viết T có quyền sử dụng chính vì có công sức tôn tạo từ việc chuyển nhượng, đổi đất cho các hộ hàng xóm và từ năm 1986 bà và ông T trực tiếp cải tạo và thuê nhân công (đổ đất, lát tấm đan, lát bê tông) để tạo thành ngõ đi với chi phí tính đến nay

là 500.000.000 đồng. Do vậy Bà Trương Thị T đề nghị Tòa án buộc ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H là những người sử dụng ngõ đi phải thanh toán cho bà và chồng bà là ông T công sức tôn tạo, chi phí xây dựng ngõ đi chung tại ngách 230/55/31, Tổ dân phố 3, M Thượng, phường M, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội mỗi người phải thanh toán là 100.000.000 đồng. Bà T xác định công sức xây dựng, tôn tạo ngõ đi là của Bà T và ông Nguyễn Viết T, các thành viên khác trong gia đình bà T không có công sức.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ xác M tại UBND phường M thì có đủ cơ sở để xác định ngõ đi tại ngách 230/55/31 là ngõ đi chung là đất đường giao thông do UBND phường quản lý, đã được thể hiện trong các bản đồ đo đạc năm 1960, năm 1986 và năm 1994, cụ thể:

- Theo bản đồ đo đạc năm 1960: thuộc một phần tờ bản đồ số 01, ngõ đi đã được thể hiện là ngõ công đi vào thửa đất số 117, qua các thửa đất số 101, 123 và 118.

- Theo bản đồ đo đạc năm 1986: thuộc một phần tờ bản đồ HTX 1.5 M Thượng, ngõ đi được thể hiện là ngõ công đi vào thửa đất số 251, qua các thửa đất số 250, 289, 291.

- Theo bản đồ đo đạc năm 1994: thuộc một phần tờ bản đồ số 19 (tỷ lệ 1/500), ngõ đi được thể hiện là ngõ công đi vào thửa đất số 133, qua các thửa đất số 145, 192, 150 và 151.

Mặt khác theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Từ Liêm cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Viết T thì thửa đất của gia đình Bà T, ông T là thửa số 133 có diện tích 122 m², không bao gồm ngõ đi đang tranh chấp. Bà T cũng xác định bà không có giấy tờ về đất đai đối với ngõ đi tại ngách 230/55/31. Do vậy, không có cơ sở để xác định là bà Trương Thị T có công sức tôn tạo ngõ đi chung bằng việc chuyển nhượng, đổi đất cho các hộ hàng xóm và gia đình bà T không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích lối đi nêu trên theo quy định tại Khoản 2 Điều 101 của Luật Đất đai như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn.

Về việc bà T và ông T cải tạo và thuê nhân công (đổ đất, lập tấm đan, lát bê tông) để tạo thành ngõ đi từ năm 1986 với chi phí tính đến nay là 500.000.000 đồng: hội đồng xét xử thấy ngoài lời khai của bà T, các tài liệu chứng cứ do bà T cung cấp cho Tòa án thì không đủ cơ sở để xác định cụ thể bà T và ông T đã cải tạo, xây dựng ngõ đi như thế nào. Căn cứ vào lời khai của bà T thì việc tôn tạo sửa chữa ngõ đi là do các gia đình cùng đóng góp, cùng sử dụng và đến năm 2005 nhà nước đã đầu tư xây dựng thành đường bê tông như hiện nay. UBND phường M cũng xác nhận vào năm 2005 Nhà nước đã đầu tư xây dựng hạ tầng toàn bộ các tuyến ngõ ngách trên địa bàn xã M trong đó có đoạn ngõ đi chung của các hộ

Trương Thị T, Trần Sỹ V, Ngô Thị H, Lê Thị H (nay là ngách 230/55/31 đường M) và nguồn kinh phí cải tạo, sửa chữa lấy từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Do vậy không có đủ cơ sở xác định là bà T và ông T chi phí làm ngõ đi chung hết 500.000.000 đồng.

Giữa gia đình bà T và ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H không có thỏa thuận, giao dịch nào liên quan đến việc xây dựng sửa chữa ngõ đi chung do vậy việc Bà T và ông T tự cải tạo, sửa chữa ngõ đi chung như yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn (nếu có) không làm phát sinh nghĩa vụ hoàn trả của ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H.

Nguyên đơn là bà Trương Thị T không phải là chủ sở hữu, sử dụng phần đất ngõ đi đang tranh chấp do vậy không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ cho Nguyên đơn đề nghị Tòa án áp dụng Điều 254 của Bộ luật dân sự và Điều 166 Luật Đất đai để buộc ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H hỗ trợ đóng góp kinh phí cho gia đình bà T.

Về ý kiến của Luật sư bảo vệ cho Nguyên đơn đề nghị Tòa án căn cứ bản án số 95/2012/DSPT ngày 21/6/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội: Hội đồng xét xử xét thấy bản án số 95/2012/DSPT đã giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ngõ đi chung nằm trong thửa đất số 133 có diện tích 122 m² giữa gia đình bà T và gia đình bà Phan Thị L, không có quyết định nào của bản án liên quan đến Ngõ đi tại ngách 230/55/31 đường M. Do vậy ý kiến nêu trên của Luật sư không có cơ sở để chấp nhận.

Từ các nhận định nêu trên, có đủ cơ sở để xác định ngõ đi tại ngách 230/55/31 M Thượng là ngõ đi chung, đất đường giao thông do UBND phường quản lý, kinh phí cải tạo, sửa chữa lấy từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước do vậy là tài sản thuộc sở hữu toàn dân nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T.

Bà Trương Thị T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí do vậy miễn án phí cho bà T theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 197, 198, 199, 254 và 275 của Bộ luật Dân sự; Điều 101 của Luật Đất đai 2013; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Trương Thị T đối với ông Trần Sỹ V, bà Ngô Thị H và bà Lê Thị H về việc yêu cầu T toán kinh phí công sức tôn tạo, xây dựng ngõ đi tại ngách 230/55/31, Tổ dân phố 3, đường M, phường M, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí cho bà Trương Thị T.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND cùng cấp
- Cơ quan THA dân sự
- Đương sự
- L hồ sơ, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa